

# Tổng quan phạm vi các nghiên cứu về năng lực thông tin sức khỏe số của sinh viên Việt Nam

Ngô Thị Huyền\*, Ninh Thị Kim Thoa, Nguyễn Hồng Sinh, Đoàn Thị Thu, Dương Thị Phương Chi

## TÓM TẮT

Trong bối cảnh ngày càng có nhiều sự quan tâm đến hoạt động chăm sóc sức khỏe và sự chuyển đổi số mạnh mẽ trong lĩnh vực y tế, việc tìm hiểu về năng lực thông tin sức khỏe số đã nhận được sự chú ý của nhiều nhà nghiên cứu. Là một phần của một dự án nghiên cứu có chủ đề về năng lực thông tin sức khỏe số của sinh viên Việt Nam, bài viết trình bày kết quả của một tổng quan phạm vi về các nghiên cứu liên quan đến chủ đề của dự án. Tổng quan này được thực hiện nhằm nhận diện các mục tiêu nghiên cứu, phương pháp nghiên cứu và những phát hiện chính của các nghiên cứu trước đây, qua đó xác định sự thiếu hụt trong nghiên cứu về chủ đề này. Tổng quan đã sử dụng các cơ sở dữ liệu ngoại văn và trong nước uy tín, tập trung vào các bài báo nghiên cứu được xuất bản trong giai đoạn từ năm 2013 đến 2023. Kết quả tổng quan cho thấy phương pháp nghiên cứu định lượng chiếm ưu thế trong các nghiên cứu về năng lực thông tin sức khỏe số của sinh viên Việt Nam. Các vấn đề nghiên cứu chính gồm đánh giá năng lực thông tin sức khỏe số, xác định yếu tố ảnh hưởng đến năng lực thông tin sức khỏe số, tìm hiểu nhận thức về năng lực thông tin sức khỏe số, tìm hiểu mối quan hệ giữa năng lực thông tin sức khỏe số và thực hành sức khỏe, và kiểm định các thang đo năng lực thông tin sức khỏe số. Các kết quả tổng quan cung cấp sự hiểu biết về tình hình nghiên cứu hiện tại về năng lực thông tin sức khỏe số của sinh viên Việt Nam, làm cơ sở đưa ra khuyến nghị cho những nghiên cứu trong tương lai.

**Từ khóa:** tổng quan phạm vi, năng lực sức khỏe số, năng lực thông tin sức khỏe số, sinh viên, Việt Nam

Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, ĐHQG-HCM, Việt Nam

## Liên hệ

**Ngô Thị Huyền**, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, ĐHQG-HCM, Việt Nam  
Email: ngohuyen@hcmussh.edu.vn

## Lịch sử

- Ngày nhận: 19-2-2024
- Ngày sửa đổi: 10-7-2024
- Ngày chấp nhận: 19-9-2024
- Ngày đăng: 30-9-2024

## DOI:

<https://doi.org/10.32508/stdjssh.v8i3.990>



## Bản quyền

© ĐHQG Tp.HCM. Đây là bài báo công bố mở được phát hành theo các điều khoản của the Creative Commons Attribution 4.0 International license.



## GIỚI THIỆU

Chăm sóc sức khỏe là lĩnh vực đang nhận được sự quan tâm lớn của người dân, các cơ quan ban ngành và của chính phủ. Quyết định số 1092/QĐ-TTg do Thủ tướng Chính phủ ban hành năm 2018 đã phê duyệt Chương trình Sức khỏe Việt Nam<sup>1</sup>, trong đó đưa ra các nhóm giải pháp về truyền thông vận động xã hội, chú trọng nghiên cứu, xây dựng và cung cấp các chương trình, tài liệu truyền thông về sức khỏe phù hợp với phương thức truyền thông các nhóm đối tượng. Với bối cảnh chuyển đổi số trong lĩnh vực y tế ngày càng diễn ra mạnh mẽ cùng với sự phát triển của công nghệ, khái niệm “sức khỏe số” xuất hiện. Sức khỏe số vốn được hiểu là “lĩnh vực kiến thức và thực hành gắn liền với việc phát triển và sử dụng công nghệ số để cải thiện sức khỏe” [2, tr. 11]. Khi sức khỏe số ngày càng trở nên phổ biến thì năng lực số và năng lực sức khỏe số trở thành yếu tố quan trọng quyết định tính hữu ích của công nghệ y tế số<sup>3</sup>. Thúc đẩy sự phát triển năng lực thông tin sức khỏe (NLTTSK) số là một vấn đề quan trọng trong chính sách y tế của các quốc gia.

Hiệp hội Thư viện Y khoa Hoa Kỳ (Medical Library Association - MLA) định nghĩa NLTTSK là tập hợp

các khả năng cần thiết để: nhận ra nhu cầu về thông tin sức khỏe; xác định các nguồn thông tin thích hợp và sử dụng chúng để truy xuất thông tin liên quan; đánh giá chất lượng của thông tin và khả năng áp dụng chúng vào một tình huống cụ thể; phân tích, hiểu, và sử dụng thông tin để đưa ra những quyết định phù hợp về sức khỏe<sup>4</sup>. Trong môi trường số, NLTTSK số được hiểu là khả năng tương tác với các nguồn thông tin số để đưa ra những quyết định phù hợp về sức khỏe<sup>5</sup>. Năng lực thông tin sức khỏe số được định nghĩa là “khả năng tìm kiếm, tìm thấy, hiểu và đánh giá thông tin sức khỏe từ các nguồn điện tử và áp dụng kiến thức thu được để tìm hiểu hoặc giải quyết một vấn đề sức khỏe”<sup>6</sup>. Theo WHO, sức khỏe số mở rộng và bao gồm cả sức khỏe điện tử<sup>2</sup>. Ở góc độ định nghĩa, trong nghiên cứu này, khái niệm NLTTSK số được xem là sự phát triển của khái niệm NLTTSK điện tử và có thể xem là đồng nghĩa. Điều khác biệt duy nhất có thể là sự chuyển đổi từ các kênh truy cập và xử lý thông tin sức khỏe ở dạng điện tử sang số.

Hiện nay, chưa có sự thống nhất về cách định nghĩa khái niệm NLTTSK số. Cách sử dụng thuật ngữ, phạm vi hoặc trọng tâm của khái niệm NLTTSK số có thể được thể hiện khác nhau khi được nghiên cứu

**Trích dẫn bài báo này:** Huyền N T, Thoa N T K, Sinh N H, Thu D T, Chi D T P. **Tổng quan phạm vi các nghiên cứu về năng lực thông tin sức khỏe số của sinh viên Việt Nam.** *Sci. Tech. Dev. J. - Soc. Sci. Hum.* 2024; 8(3):2610-2620.

trong những lĩnh vực khoa học khác nhau như năng lực sức khoẻ số, năng lực sức khoẻ điện tử, năng lực thông tin sức khoẻ số. Trong phạm vi của tổng quan này, thuật ngữ NLTTSK số được sử dụng thống nhất cho các nghiên cứu tập trung vào hoạt động tương tác với thông tin số, bao gồm cả điện tử, liên quan đến vấn đề sức khoẻ của người dùng.

Là một phần của dự án nghiên cứu về NLTTSK số của sinh viên (SV) Việt Nam, bài viết thể hiện nỗ lực tìm hiểu sự thiếu hụt trong nghiên cứu về chủ đề này trong bối cảnh của Việt Nam thông qua quá trình tổng quan các nghiên cứu đã được công bố trong những năm gần đây. Ba mục tiêu đã được đặt ra cho nghiên cứu tổng quan này, gồm:

1. Nhận diện các mục tiêu và phương pháp đã được sử dụng để nghiên cứu về NLTTSK số của SV Việt Nam;
2. Nhận diện những phát hiện chính của các nghiên cứu về NLTTSK số của SV Việt Nam;
3. Xác định sự thiếu hụt trong nghiên cứu về NLTTSK số của SV Việt Nam.

## PHƯƠNG PHÁP TỔNG QUAN

Tổng quan phạm vi (scoping review) giúp khắc họa những đặc điểm cũng như phát hiện những thiếu hụt của các nghiên cứu đã triển khai trong một lĩnh vực nghiên cứu<sup>7,8</sup>. Theo đó, nghiên cứu này sử dụng tổng quan phạm vi để nhận diện mục tiêu, phương pháp cũng như các phát hiện chính, từ đó xác định được sự thiếu hụt đối với nghiên cứu về NLTTSK số của SV Việt Nam.

Áp dụng hướng dẫn của nhóm tác giả Arksey và O'Malley<sup>7</sup> và nhóm tác giả Levac và các cộng sự<sup>8</sup>, tổng quan này được tiến hành theo năm bước gồm (1) xác định câu hỏi nghiên cứu, (2) xác định các nghiên cứu liên quan, (3) lựa chọn nghiên cứu, (4) lập biểu đồ dữ liệu, (5) đối chiếu so sánh, tóm tắt và báo cáo kết quả.

Việc xác định tiêu chí đối với các nghiên cứu được chọn để tổng quan cũng là một yêu cầu. Nhóm tác giả Peters và các cộng sự<sup>9</sup> đề xuất sử dụng ba tiêu chí gồm khách thể, ý tưởng và bối cảnh nghiên cứu (population, concept and context) để xác định trọng tâm của tổng quan phạm vi. Theo đó, tổng quan phạm vi này xem xét các nghiên cứu có khách thể là SV đại học (ĐH), có nội dung xoay quanh NLTTSK số và bối cảnh nghiên cứu là Việt Nam.

Quy trình tổng quan phạm vi được thực hiện như sau.

Bước 1 – Xác định câu hỏi nghiên cứu: việc xác định các câu hỏi nghiên cứu giúp định hướng rõ ràng trọng tâm cho các bước tổng quan<sup>8</sup>. Các câu hỏi nghiên

cứ cho tổng quan này gồm: (1) Các nghiên cứu về NLTTSK số của SV Việt Nam tập trung vào những mục tiêu gì?; (2) Phương pháp nghiên cứu được sử dụng trong các nghiên cứu về NLTTSK số của SV Việt Nam là gì?; (3) Các phát hiện chính của các nghiên cứu về NLTTSK số của SV Việt Nam là gì?

Bước 2 – Xác định các nghiên cứu liên quan: để xác định các nghiên cứu phù hợp, chiến lược tìm kiếm được thiết lập như sau.

- **Từ khoá và biểu thức tìm:** căn cứ vào tiêu chí của cuộc tổng quan, các từ khoá và biểu thức tìm được thiết lập như sau.

("health information literacy" OR "digital health literacy" OR "e-health literacy" OR "electronic health literacy") AND ("young people" OR "students" OR "young adult") AND Vietnam

("năng lực thông tin sức khoẻ" OR "năng lực sức khoẻ" OR "năng lực sức khoẻ số") AND ("sinh viên" OR "thanh thiếu niên").

- **Cơ sở dữ liệu (CSDL):** tài liệu được tìm kiếm trong cả CSDL ngoại văn và trong nước. Cụ thể:

- **CSDL ngoại văn:** Web of Science, Pubmed, Scopus
- **CSDL trong nước:** CSDL công bố Khoa học & Công nghệ Việt Nam của Cục Khoa học & Công nghệ Quốc gia Việt Nam (NASATI), Tài liệu nội sinh ĐH Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh.

- **Trường tra cứu:** nhan đề, từ khoá, tóm tắt.

- **Thời gian xuất bản tài liệu:** 10 năm trở lại (2013-2023). Tổng quan tập trung vào các kết quả nghiên cứu được công bố trong những năm gần đây khi mà việc chăm sóc và nâng cao sức khoẻ toàn dân nhận được sự quan tâm mạnh mẽ của Chính phủ Việt Nam. Điều này được thể hiện qua Quyết định số 122/QĐ-TTg ngày 10/01/2013 phê duyệt Chiến lược quốc gia bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khoẻ nhân dân giai đoạn 2011-2020, tầm nhìn đến năm 2030, và Quyết định số 89/QĐ-TTg ngày 23/01/2024 phê duyệt Chiến lược quốc gia bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khoẻ nhân dân giai đoạn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

- **Ngôn ngữ:** tiếng Anh và tiếng Việt.

- **Loại hình tài liệu:** toàn văn bài báo nghiên cứu trong các xuất bản phẩm định kỳ. Việc chọn các bài báo toàn văn có thể hiện rõ mục tiêu, phương pháp và kết quả là cần thiết để phân tích các nghiên cứu nhằm xác định sự thiếu hụt trong nghiên cứu về NLTTSK số của SV Việt Nam.

Việc tìm kiếm đã diễn ra với từng CSDL trong một tháng, từ đầu đến hết tháng 11 năm 2023 và đã thu về 20 kết quả (Bảng 1).

**Bảng 1: Kết quả tra cứu các cơ sở dữ liệu [Nguồn: Tác giả]**

TT	CSDL	Số lượng bài báo
1	Web of Science	2
2	Pubmed	5
3	Scopus	6
4	NASATI	7
5	Tài liệu nội sinh ĐH Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh	0
Tổng		20

Bước 3 - Lựa chọn nghiên cứu: Sau khi tra trùng, chín kết quả bị loại. Để chọn ra những nghiên cứu phù hợp, 11 bài báo còn lại được đọc kỹ phần nhan đề, từ khoá, tóm tắt để xác nhận sự phù hợp với các tiêu chí của tổng quan. Kết quả là một bài bị loại vì mẫu nghiên cứu là người dân từ 18 đến 60 tuổi và không tách kết quả phân tích đối với người trong độ tuổi SV (18-22). Như vậy, số lượng bài báo được chọn để thực hiện tổng quan là 10.

Bước 4 - Lập biểu đồ dữ liệu: 10 bài báo được đọc kỹ lưỡng nhiều lần để nhận diện những thông tin cần thiết, từ đó trích xuất thông tin để thực hiện phân tích. Theo nhóm tác giả Levac và các cộng sự<sup>8</sup>, các thông tin trích xuất từ từng bài báo nên được tập hợp dưới dạng bảng biểu. Trong tổng quan này, các thông tin trích xuất được trình bày trong một bảng tổng hợp với các mục gồm: (1) thông tin thư mục (nhan đề, tác giả, năm xuất bản), (2) mục đích (mục đích/mục tiêu/câu hỏi nghiên cứu), (3) phương pháp (đối tượng khảo sát, mẫu, phương pháp thu thập và phân tích dữ liệu), (4) vấn đề nghiên cứu (các kết quả nghiên cứu chính), tạo thành kho dữ liệu phục vụ cho quá trình phân tích.

Bước 5 - Đối chiếu so sánh, tóm tắt và báo cáo kết quả: các thông tin trích xuất vào bảng tổng hợp được phân tích mô tả và quy nạp. Căn cứ vào các câu hỏi nghiên cứu, các mã mô tả (codes) được thiết lập từ quá trình phân tích nội dung các thông tin trích xuất của từng bài báo. Các mã mô tả đã được thiết lập gồm: mục tiêu nghiên cứu, đối tượng khảo sát, phương pháp chọn mẫu, phương pháp thu thập dữ liệu, phương pháp phân tích dữ liệu. Tiếp đến, các mã chủ đề (themes) được hình thành từ quá trình phân tích kết quả nghiên cứu gồm: đánh giá NLTTSK số, yếu tố ảnh hưởng đến NLTTSK số, nhận thức về NLTTSK số, tác động của NLTTSK số đến thực hành sức khỏe, kiểm định các thang đo NLTTSK số. Từ đây, kết quả tổng quan cung cấp chất liệu để khắc hoạ các đặc điểm về mục tiêu, phương pháp và kết quả nghiên cứu. Các câu hỏi nghiên cứu được trả lời dựa trên sự tổng hợp các kết quả phân tích từ quá trình tổng quan.

## KẾT QUẢ TỔNG QUAN

### Mục tiêu và phương pháp nghiên cứu được sử dụng để tìm hiểu năng lực thông tin sức khỏe số của sinh viên Việt Nam

Kết quả phân tích các bài báo cho thấy mục tiêu nghiên cứu tập trung vào năm vấn đề chính: (1) đánh giá NLTTSK số, (2) xác định các yếu tố ảnh hưởng đến NLTTSK số, (3) tìm hiểu nhận thức về NLTTSK số, (4) tìm hiểu tác động của NLTTSK số đối với thực hành sức khỏe, (5) kiểm định các thang đo NLTTSK số. Các mục tiêu nghiên cứu này cũng giúp xác định các kết quả nghiên cứu chính được trình bày tại tiểu mục 3.2.

Đối với phương pháp nghiên cứu, kết quả phân tích 10 bài báo về năng lực thông tin sức khỏe số của SV Việt Nam cho thấy chỉ có nghiên cứu định lượng đã được sử dụng. Điều này chỉ ra rằng các phương pháp nghiên cứu định tính và nghiên cứu hỗn hợp chưa được chú trọng sử dụng trong tìm hiểu NLTTSK số của SV Việt Nam (Bảng 2). Về đối tượng khảo sát (mẫu), các nghiên cứu tập trung chủ yếu vào SV y khoa (8/10 bài báo), còn lại là người trẻ tuổi (từ 16-35 tuổi) và SV của một trường ĐH. Điều này cho thấy đối tượng khảo sát của các nghiên cứu đã triển khai chưa đa dạng, còn thiếu vắng các SV từ nhiều lĩnh vực khác nhau. Một số phương pháp lựa chọn mẫu đã được sử dụng, bao gồm mẫu bóng tuyết hay mẫu ngẫu nhiên phân tầng để đảm bảo tiếp cận được các đối tượng khảo sát một cách thuận lợi và thu thập được đủ dữ liệu cần thiết.

Về phương pháp thu thập dữ liệu, các nghiên cứu đều tiến hành thu thập dữ liệu qua bản hỏi với hình thức trực tuyến (9/10 nghiên cứu). Việc khảo sát trực tuyến được sử dụng phổ biến để tiếp cận đến đối tượng SV và thanh niên, những người trẻ có khả năng tiếp cận công nghệ nhanh.

Về phương pháp phân tích dữ liệu, các kỹ thuật thống kê mô tả và thống kê suy luận được áp dụng. Trong đó, thống kê suy luận được sử dụng trong hầu hết các

nghiên cứu (9/10 bài báo), bao gồm các kỹ thuật như kiểm tra hồi quy tuyến tính, phân tích yếu tố khám phá (Exploratory Factor Analysis - EFA) và phân tích yếu tố khẳng định (Confirmatory Factor Analysis - CFA), đánh giá độ tin cậy của thang đo (qua phân tích Cronbach Alpha). Các kỹ thuật này được thực hiện để xác định mô hình nghiên cứu hay công cụ phù hợp, để kiểm tra tính giá trị của các thang đo năng lực sức khoẻ hoặc các mối liên kết giữa các yếu tố liên quan.

**Bảng 2: Mục tiêu và phương pháp nghiên cứu được sử dụng để tìm hiểu năng lực thông tin sức khoẻ số của sinh viên Việt Nam**

TT	Mục tiêu nghiên cứu	Đối tượng khảo sát	Phương pháp chọn mẫu	Phương pháp thu thập dữ liệu	Phương pháp phân tích dữ liệu
1	Đánh giá năng lực thông tin sức khoẻ số và xác định yếu tố ảnh hưởng <sup>10</sup>	1.547 SV ngành Y tại trường ĐH Kỹ thuật Y Dược Đà Nẵng	Mẫu thuận tiện	Khảo sát trực tuyến	- Thống kê mô tả: tần suất. - Thống kê suy luận: kiểm tra hồi quy tuyến tính.
2	Xác định cấu trúc nội tại của năng lực đọc hiểu thông tin y tế điện tử <sup>11</sup>	236 thanh niên Việt Nam (16-35 tuổi)	Mẫu tiện lợi với phương pháp quả bóng tuyết từ mọi tỉnh thành của Việt Nam	Khảo sát trực tuyến	Thống kê suy luận: phân tích yếu tố khám phá (Exploratory Factor Analysis - EFA); và phân tích nhân tố khẳng định (Confirmatory Factor Analysis - CFA).
3	Đánh giá độ tin cậy và tính hợp lý của phiên bản tiếng Việt của eHEALS và phân tích các yếu tố ảnh hưởng <sup>12</sup>	494 SV y khoa tại trường ĐH Y Hà Nội	Mẫu thuận tiện	Khảo sát trực tuyến	- Thống kê mô tả: tính giá trị trung bình và độ lệch chuẩn cho các biến định lượng, tính tần suất và phần trăm cho các biến định tính. - Thống kê suy luận: đánh giá độ tin cậy của thang đo (Cronbach Alpha), phân tích yếu tố khám phá (Exploratory Factor Analysis - EFA), phân tích hồi quy Poisson.
4	Nghiên cứu nhận thức và thực hành về eHealth và các yếu tố liên quan trong việc chẩn đoán và điều trị bệnh <sup>13</sup>	523 SV y khoa và chuyên gia y tế	Mẫu tiện lợi với phương pháp quả bóng tuyết từ ba trường ĐH	Khảo sát trực tuyến	Thống kê suy luận: mô hình hồi quy đa biến Tobit, và hồi quy logistic.
5	Đánh giá mức độ eHEALS và các yếu tố liên quan; và mối liên kết giữa eHEALS với các hành vi phòng ngừa về Covid-19 <sup>14</sup>	1.851 SV y khoa từ tám trường ĐH công lập ở Việt Nam	Mẫu phân tầng	Khảo sát trực tuyến	Thống kê suy luận: hồi quy tuyến tính và hồi quy logistic để xem xét các mối liên kết.

*Continued on next page*

Table 2 continued

6	Xác định năng lực thông tin sức khỏe số về Covid-19 và mối liên quan giữa việc tìm kiếm thông tin trực tuyến và trạng thái tinh thần của SV <a href="#">15</a>	1.003 SV Việt Nam (đa phần học tại các trường ĐH Y học hoặc Khoa học Y tế)	Mẫu tiện lợi với phương pháp quả bóng tuyết	Khảo sát trực tuyến	- Thống kê mô tả: tính trung bình, độ lệch chuẩn, tính phần trăm. - Thống kê suy luận: mô hình hồi quy tuyến tính đa biến.
7	Nghiên cứu thói quen tìm kiếm thông tin Covid-19 qua Internet và phân tích sự khác biệt về điểm eHEALS giữa các nhóm SV năm thứ nhất <a href="#">16</a>	346 SV năm thứ nhất trường ĐH Y Hà Nội	Mẫu thuận tiện	Khảo sát trực tuyến	Thống kê mô tả: tính trung bình, độ lệch chuẩn; sử dụng kiểm định Mann-Whitney để kiểm tra sự khác biệt giữa các nhóm độc lập.
8	Đánh giá mức độ sợ hãi về Covid-19 và nghiên cứu mối liên hệ với sự hiểu biết sức khỏe và hành vi liên quan đến sức khỏe <a href="#">17</a>	5.423 SV y khoa từ tám trường ĐH ở Việt Nam (Bắc, Trung, Nam)	Mẫu phân tầng	Khảo sát trực tuyến	- Thống kê mô tả: giá trị trung bình, độ lệch chuẩn, phần trăm. - Thống kê suy luận: phân tích nhân tố khám phá sử dụng Principal Component Analysis (PCA); đánh giá độ tin cậy của thang đo (phân tích Cronbach Alpha); phân tích One-way ANOVA.
9	Kiểm định độ tin cậy của thang đo năng lực sức khỏe về sơ cứu ban đầu trong du lịch ba lô <a href="#">18</a>	200 SV từ trường ĐH Y Hà Nội và ĐH Bách Khoa Hà Nội	Mẫu thuận tiện	Khảo sát trực tuyến	Thống kê suy luận: phân tích nhân tố khám phá (EFA), phân tích nhân tố khẳng định (CFA) và độ tin cậy Cronbach's alpha để đánh giá tính hợp lệ của bộ công cụ.
10	Đánh giá năng lực sức khỏe của SV <a href="#">19</a>	400 SV năm thứ ba trường ĐH Thăng Long	Mẫu ngẫu nhiên phân tầng	Khảo sát trực tiếp	Thống kê mô tả: xác định số lượng, tỷ lệ, tính trung bình, độ lệch chuẩn.



## **Kết quả nghiên cứu chính về năng lực thông tin sức khỏe số của sinh viên Việt Nam**

### **Đánh giá năng lực thông tin sức khỏe số**

Có 5/10 bài báo trình bày kết quả đánh giá NLTTSK số của SV. Nghiên cứu của nhóm tác giả Nguyen và các cộng sự<sup>15</sup> cung cấp bằng chứng về NLTTSK số của SV cũng như khả năng tìm kiếm, hiểu, đánh giá và sử dụng thông tin trực tuyến liên quan đến sức khỏe trong thời kỳ dịch bệnh Covid-19. Sinh viên Việt Nam có điểm NLTTSK số tổng thể cao đáng kể. Bên cạnh đó, công cụ tìm kiếm và mạng xã hội là những nguồn tìm kiếm thông tin y tế phổ biến nhất đối với SV Việt Nam. Tương tự, nhóm tác giả Đào Văn Phương và các cộng sự<sup>16</sup> cho biết tổng điểm trung bình NLTTSK điện tử của SV năm thứ nhất trường Đại học Y Hà Nội ở mức cao. Hầu hết SV tham gia nghiên cứu có thói quen tìm kiếm trực tuyến thông tin sức khỏe liên quan đến Covid-19. Đồng thời, SV có khuynh hướng thích sử dụng mạng xã hội để tìm kiếm thông tin nhất. Sinh viên điều dưỡng trong nghiên cứu của nhóm tác giả Tran và các cộng sự<sup>14</sup> cũng thể hiện điểm năng lực sức khỏe điện tử tương đối cao. Tuy nhiên, vẫn còn một tỷ lệ lớn SV điều dưỡng thiếu kỹ năng đánh giá, phân biệt nguồn lực y tế chất lượng cao và chất lượng thấp hoặc tự tin sử dụng thông tin sức khỏe trực tuyến để giải quyết các vấn đề sức khỏe. Nghiên cứu này cũng khám phá rằng các SV nam có điểm NLTTSK trực tuyến cao hơn so với SV nữ. Nhóm tác giả Hoang và các cộng sự<sup>10</sup> đã đánh giá hành vi tìm kiếm thông tin liên quan đến sức khỏe của SV và tập trung vào bảy kỹ năng gồm: (1) thao tác, sử dụng máy tính và trình duyệt web; (2) tìm kiếm thông tin và chiến lược tìm kiếm thông tin chính xác; (3) truy cập thông tin trực tuyến đáng tin cậy; (4) đánh giá mức độ phù hợp của thông tin trực tuyến; (5) điều hướng và định hướng trang web; (6) thêm nội dung tự tạo vào ứng dụng web; (7) bảo vệ và tôn trọng quyền riêng tư khi sử dụng Internet. Kết quả khảo sát của Hoang và các cộng sự<sup>10</sup> cho thấy NLTTSK số và hành vi tìm kiếm thông tin trên web của SV chỉ ở mức trung bình. Sinh viên đạt điểm cao nhất cho kỹ năng thao tác, sử dụng máy tính và trình duyệt web, trong khi đạt điểm thấp nhất cho kỹ năng điều hướng và định hướng web. Tương tự như nghiên cứu của nhóm tác giả Nguyen và các cộng sự<sup>15</sup> và nhóm tác giả Đào Văn Phương và các cộng sự<sup>16</sup>, một tỷ lệ khá cao SV truy cập các công cụ tìm kiếm (Google, Yahoo), mạng xã hội (Facebook, Instagram, Twitter) và YouTube. Trong khi đó, hành vi tìm kiếm trang web của bác sĩ hoặc công ty bảo hiểm y tế đạt điểm thấp nhất. Bên cạnh đó, nhóm tác giả Hoang và các cộng sự<sup>10</sup> cũng củng cố kết quả nghiên cứu của nhóm tác giả Tran và các cộng sự<sup>14</sup>

khi phát hiện rằng có sự khác biệt về NLTTSK số giữa các giới tính khi mà điểm đánh giá của SV nam tốt hơn nữ. Không khác nhiều so với các nghiên cứu trước đó, nhóm tác giả Le và các cộng sự<sup>12</sup> cho biết trong số những người tham gia nghiên cứu, bao gồm hầu hết là SV chuyên ngành bác sĩ đa khoa và SV năm thứ tư trường ĐHY Hà Nội, việc tìm kiếm thông tin sức khỏe trực tuyến rất phổ biến và tổng thể điểm NLTTSK điện tử tương đối cao.

Nhìn chung, kết quả của các nghiên cứu cho thấy NLTTSK số của SV Việt Nam ở mức từ trung bình đến cao. Sinh viên có khuynh hướng đạt điểm cao hơn ở những kỹ năng nằm trong những bước đầu tiên trong việc tiếp cận thông tin sức khỏe trực tuyến và đóng một vai trò quan trọng trong sáu kiến thức cốt lõi về năng lực sức khỏe số của nhóm tác giả Norman và Skinner<sup>20</sup>. Các nhóm nghiên cứu tiếp tục đưa ra khuyến nghị làm thế nào để nâng cao NLTTSK số của SV, đặc biệt là đối với kỹ năng ở giai đoạn sau của quy trình tìm kiếm thông tin, ví dụ như đánh giá thông tin.

Các nghiên cứu cũng cho thấy có sự khác biệt về giới trong NLTTSK số khi mà SV nam thể hiện tốt hơn trong các bài kiểm tra năng lực. Sự khác biệt về giới tính trong NLTTSK số được lý giải có thể là do thói quen sử dụng Internet để tìm kiếm thông tin và năng lực công nghệ thông tin khác nhau giữa SV nam và nữ.

Bên cạnh đó, các phát hiện cũng chứng minh rằng SV có thói quen sử dụng các công cụ tìm tin trực tuyến và mạng xã hội để tiếp cận thông tin liên quan đến sức khỏe. Điều này có thể được lý giải là vì công cụ tìm tin trực tuyến và mạng xã hội ngày càng phổ biến, dễ theo dõi và dễ sử dụng.

### **Yếu tố ảnh hưởng đến năng lực thông tin sức khỏe**

Việc tìm hiểu các yếu tố ảnh hưởng đến NLTTSK số của SV nhận được sự quan tâm của 3/10 nghiên cứu. Theo nghiên cứu của nhóm tác giả Nguyen và các cộng sự<sup>13</sup>, rào cản phổ biến nhất cho việc sử dụng y tế điện tử là năng lực công nghệ thông tin, tiếp đến là năng lực bảo mật, kiểm soát rủi ro và chưa được đào tạo về ứng dụng y tế điện tử. Bên cạnh đó, độ tuổi, NLTTSK điện tử và việc sử dụng Internet để cập nhật kiến thức y tế có mối liên quan tích cực với việc sử dụng các công cụ y tế điện tử trong thực hành lâm sàng. Nhiều yếu tố tác động hơn đã được phát hiện bởi nhóm tác giả Hoang và các cộng sự<sup>10</sup> bao gồm giới tính, chương trình giáo dục, trình độ tiếng Anh, số giờ sử dụng Internet mỗi ngày, lý do sử dụng Internet, phương tiện đăng nhập Internet và hành vi

tìm kiếm thông tin trên web. Cụ thể, SV điều dưỡng gây mê và công nghệ hình ảnh y tế có NLTTSK số tốt hơn SV điều dưỡng tổng quát; SV có trình độ tiếng Anh tốt và có hành vi tìm kiếm thông tin trên web thì cũng có NLTTSK số tốt hơn; việc tăng tần suất sử dụng Internet để tìm kiếm và thu thập thông tin từ các trang web chuyên môn liên quan đến sức khỏe là một biện pháp can thiệp thành công nhằm nâng cao NLTTSK số; những SV sử dụng máy tính ở nhà để đăng nhập Internet có NLTTSK số cao hơn những SV khác không sử dụng cách này. Nghiên cứu của nhóm tác giả Le và các cộng sự<sup>12</sup> bổ sung một số yếu tố ảnh hưởng đến điểm NLTTSK số của SV trường Đại học Y Hà Nội như thiết bị tìm kiếm, tình trạng bệnh và độ tin cậy của nguồn thông tin y tế.

Các nghiên cứu trên chỉ ra có nhiều yếu tố ảnh hưởng đến NLTTSK số của SV, có thể kể đến yếu tố nhân khẩu học (giới tính, tình trạng bệnh), đào tạo, nguồn thông tin (độ tin cậy), công nghệ thông tin (năng lực công nghệ thông tin, năng lực bảo mật, thiết bị tìm kiếm, sử dụng Internet), và trình độ tiếng Anh.

### **Nhận thức về năng lực thông tin sức khỏe số**

Nhận được ít sự quan tâm hơn so với các vấn đề nghiên cứu khác, chỉ có 1/10 nghiên cứu tìm hiểu nhận thức về NLTTSK số của SV. Trong nghiên cứu của mình, nhóm tác giả Nguyen và các cộng sự<sup>13</sup> chỉ ra rằng NLTTSK số của SV ở mức vừa phải. Kết quả nghiên cứu này cũng cho thấy rào cản lớn đối với việc ứng dụng sức khỏe điện tử tại Việt Nam là các bác sĩ và SV y khoa chưa nhận thức được vai trò và lợi ích của các công cụ sức khỏe số trong thực hành lâm sàng. Cụ thể, điểm số về lợi ích được cảm nhận của các công cụ sức khỏe điện tử ở mức dưới mức trung bình, cho thấy lợi ích của sức khỏe số đối với người tham gia nghiên cứu là chưa rõ ràng. Điều này được giải thích là do Việt Nam mới ở giai đoạn đầu của chuyển đổi số. Do đó, việc đẩy nhanh quá trình chuyển đổi số ở mọi cấp độ của hệ thống chăm sóc sức khỏe Việt Nam là rất cần thiết. Nhóm tác giả Nguyen và các cộng sự<sup>13</sup> chứng minh vai trò quan trọng của việc xây dựng và tích hợp NLTTSK số một cách có hệ thống vào chương trình đào tạo y khoa hiện nay. Điều này sẽ hữu ích cho các bác sĩ và SV y khoa có thể thích ứng với sự chuyển đổi số mạnh mẽ trong chăm sóc sức khỏe tại Việt Nam. Những cá nhân này có thể có kỹ năng công nghệ thông tin tốt nhưng họ vẫn gặp những hạn chế trong việc đánh giá thông tin y tế mà họ tìm thấy và sử dụng thông tin y tế trong thực hành lâm sàng.

Kết quả của một nghiên cứu chưa thể giúp đưa ra kết luận đối với nhận thức về NLTTSK số của SV. Tuy

nhiên, những kết quả ban đầu cho thấy cần nhiều nỗ lực hơn nữa để nâng cao nhận thức của SV đối với vấn đề sức khỏe số, bao gồm cả NLTTSK số.

### **Tác động của năng lực thông tin sức khỏe số đến thực hành sức khỏe**

Có 5/10 bài báo tập trung tìm hiểu tác động của NLTTSK số đến thực hành sức khỏe. Theo nhóm tác giả Ngô Thị Thu Hiền và Trương Quốc Anh<sup>19</sup>, tần suất xem các chương trình truyền hình liên quan đến y tế và tần suất tra cứu thông tin y tế có ý nghĩa thống kê với năng lực sức khỏe của SV. Trong khi đó, nghiên cứu của nhóm tác giả Hoang và các cộng sự<sup>17</sup> cho thấy NLTTSK có tác dụng giảm thiểu nỗi sợ hãi của SV khi đối mặt với đại dịch Covid-19, cải thiện sức khỏe cũng như phúc lợi của họ. Điều quan trọng là mọi người, đặc biệt là nhân viên y tế, phải có đủ khả năng tiếp cận, phân tích và áp dụng thông tin y tế trong đại dịch Covid-19 để bảo vệ sức khỏe của chính họ và những người họ chăm sóc. Do đó, NLTTSK phải được coi là yếu tố then chốt của trách nhiệm và sự bền vững xã hội, đồng thời là công cụ thiết yếu cho cả người nhận và người cung cấp thông tin nhằm giảm thiểu và ngăn chặn những đại dịch tiềm ẩn trong tương lai. Nhóm tác giả Nguyen và các cộng sự<sup>15</sup> nhận định rằng NLTTSK số cần được nhấn mạnh là yếu tố trung gian giúp tăng cường tác động tích cực về tâm quan trọng của việc tìm kiếm thông tin đối với sức khỏe tâm lý. Những SV có mức hài lòng trung bình đối với thông tin có nhiều khả năng bị hạn chế về NLTTSK số hơn so với những SV thể hiện sự hài lòng với thông tin thu được. Điều này có thể là do các cấp độ cao hơn của NLTTSK số yêu cầu người ta phải lựa chọn và đánh giá một cách nghiêm túc thông tin có sẵn trên Internet. Nghiên cứu của nhóm tác giả Nguyen và các cộng sự<sup>13</sup> cho thấy NLTTSK số và việc sử dụng Internet để cập nhật kiến thức y tế có mối liên quan tích cực với việc sử dụng các công cụ y tế số trong thực hành lâm sàng. Kết quả đáng chú ý trong nghiên cứu của nhóm tác giả Tran và các cộng sự<sup>14</sup> cho thấy những SV có điểm NLTTSK số cao hơn có khả năng tuân thủ các hành vi phòng ngừa cao hơn, bao gồm rửa tay thường xuyên, đeo khẩu trang, giữ khoảng cách vật lý. Bên cạnh đó, kết quả cũng cho thấy những SV có điểm NLTTSK số cao ít có khả năng mắc chứng rối loạn lo âu hơn. Những người có đủ NLTTSK số có thể đánh giá và lựa chọn các nguồn thông tin chính xác và dựa trên bằng chứng, từ đó khuyến khích họ tuân thủ các hành vi bảo vệ thích hợp.

Các kết quả nghiên cứu chỉ ra mối quan hệ tích cực của NLTTSK số đối với thực hành sức khỏe của SV. Những SV thể hiện được NLTTSK số tốt hơn được

cho là có khả năng chăm sóc sức khỏe của bản thân tốt hơn. Vì vậy, các nghiên cứu đều khuyến nghị tích hợp đào tạo NLTTSK số vào chương trình đào tạo cho SV, bao gồm cả SV ngành y, để giúp cải thiện việc tuân thủ các biện pháp phòng ngừa và giảm thiểu các vấn đề về sức khỏe.

### **Kiểm định các thang đo năng lực sức khỏe số**

Thang đo NLTTSK số được kiểm định trong 3/10 bài báo. Nhóm tác giả Paige và các cộng sự<sup>21</sup> đã giới thiệu một công cụ để đo lường NLTTSK số (Transactional eHealth Literacy Instrument – TeHLI) gồm: vận hành (khả năng sử dụng các thiết bị công nghệ để đọc và viết về sức khỏe), giao tiếp (khả năng kiểm soát, thích ứng và giao tiếp cộng tác về sức khỏe với người khác trong môi trường xã hội trực tuyến), đánh giá (khả năng đánh giá mức độ liên quan, độ tin cậy và rủi ro khi chia sẻ và tiếp nhận thông tin liên quan đến sức khỏe trên Internet), và tận tiến (khả năng áp dụng thông tin liên quan đến sức khỏe từ Internet trong các bối cảnh khác nhau). Tuy nhiên, do tính mới của công cụ đánh giá này nên nó chủ yếu được ứng dụng vào nhóm dân số trung niên. Để xem xét khả năng áp dụng thang đo cho những nhóm dân số khác, nghiên cứu của nhóm tác giả Nguyen và các cộng sự<sup>11</sup> đã thử nghiệm với SV. Kết quả nghiên cứu cho thấy TeHLI có thể được coi là một công cụ có giá trị để đo lường các mức độ năng lực khác nhau về NLTTSK số. Tập trung vào một khía cạnh của sức khỏe, nghiên cứu của nhóm tác giả Nguyễn Thị Thảo và các cộng sự<sup>18</sup> kiểm định độ tin cậy của thang đo NLTTSK về sơ cứu ban đầu trong du lịch ba lô và các chỉ số cho thấy rằng đây là một công cụ đáng tin cậy để sử dụng tại Việt Nam. Những phát hiện từ nghiên cứu của nhóm tác giả Le và các cộng sự<sup>12</sup> cho thấy phiên bản eHEALS tiếng Việt về tìm kiếm thông tin y tế trực tuyến là một thước đo đáng tin cậy và hợp lệ về NLTTSK số của SV. Nhiều thang đo NLTTSK đã được xây dựng bởi các học giả và cơ quan nghiên cứu trên thế giới. Việc kiểm tra sự phù hợp của các thang đo đối với SV Việt Nam mở rộng khả năng sử dụng các thang đo này, từ đó giúp cung cấp công cụ đánh giá NLTTSK số của SV, giúp đưa ra định hướng trong việc phát triển năng lực này của họ.

### **THẢO LUẬN**

Kết quả tổng quan giúp nhận diện một số vấn đề trong nghiên cứu về NLTTSK số của SV Việt Nam như sau: Thứ nhất, kết quả tra cứu và chọn lọc tài liệu được xuất bản trong giai đoạn 10 năm từ 2013 đến 2023 là 10 bài báo trình bày kết quả nghiên cứu về NLTTSK số của SV Việt Nam. Trong đó, các bài báo chủ yếu được xuất bản từ năm 2019 đến 2023 mà thiếu vắng

những công bố được xuất bản trong giai đoạn trước đó. Số lượng này là tương đối ít so với mức độ quan tâm về chủ đề này trong cộng đồng nghiên cứu trên thế giới. Vì vậy, cần có thêm những nghiên cứu về chủ đề này trong bối cảnh của Việt Nam nói chung và SV Việt Nam nói riêng, đặc biệt là trong bối cảnh chuyển đổi số lĩnh vực y tế của Việt Nam.

Thứ hai, các nghiên cứu chủ yếu tập trung vào SV y khoa hoặc quy mô khảo sát chưa đa dạng. Điều này cho thấy sự thiếu hụt những nghiên cứu về NLTTSK số của SV đến từ nhiều trường ĐH đào tạo nhiều lĩnh vực ngành nghề khác nhau. Do đó, các nghiên cứu trong tương lai cần mở rộng đối tượng và quy mô khảo sát để có cái nhìn toàn diện hơn về NLTTSK số của SV Việt Nam.

Thứ ba, hầu hết các nghiên cứu đều sử dụng phương pháp định lượng. Mỗi phương pháp nghiên cứu đều có ưu điểm và hạn chế cũng như được thiết kế để giúp trả lời các câu hỏi nghiên cứu một cách phù hợp. Phương pháp nghiên cứu định lượng tạo ra dữ liệu khách quan có thể được truyền đạt rõ ràng thông qua số liệu thống kê và con số. Trong bối cảnh có sự giao thoa giữa các lĩnh vực khoa học và các chủ đề nghiên cứu về sức khỏe cũng ngày càng nhận được sự quan tâm của các lĩnh vực khác, trong đó có khoa học xã hội, việc sử dụng đa dạng các phương pháp nghiên cứu là cần thiết để có cái nhìn đa chiều về một vấn đề nghiên cứu. Việc sử dụng phương pháp nghiên cứu định tính và hỗn hợp được khuyến nghị khi nghiên cứu về NLTTSK số của SV.

Thứ tư, các nghiên cứu tập trung vào một số vấn đề gồm đánh giá NLTTSK số, xác định yếu tố ảnh hưởng đến NLTTSK số, tìm hiểu nhận thức về NLTTSK số, tìm hiểu mối quan hệ giữa NLTTSK số và thực hành sức khỏe, và kiểm định các thang đo NLTTSK số. Còn nhiều vấn đề khác về NLTTSK số của SV chưa được tập trung nghiên cứu. Vì vậy, việc mở rộng các vấn đề nghiên cứu là cần thiết để giải quyết những thiếu hụt khi nghiên cứu về NLTTSK số của SV.

### **KẾT LUẬN**

Trong bối cảnh sự quan tâm đến hoạt động chăm sóc sức khỏe ngày càng tăng và sự chuyển đổi số mạnh mẽ trong lĩnh vực y tế thì đã có những nghiên cứu về NLTTSK số của SV Việt Nam. Thông qua phương pháp tổng quan phạm vi, bài viết cho thấy sự phổ biến của phương pháp nghiên cứu định lượng trong các nghiên cứu về chủ đề này. Các vấn đề nghiên cứu cũng được nhận diện như đánh giá NLTTSK số, xác định yếu tố ảnh hưởng đến NLTTSK số, tìm hiểu nhận thức về NLTTSK số, tìm hiểu mối quan hệ giữa NLTTSK số và thực hành sức khỏe, và kiểm định các thang đo NLTTSK số. Từ đó, bài viết cung cấp sự hiểu



biết về tình hình nghiên cứu hiện tại về NLTTSK số của SV Việt Nam cũng như đưa ra khuyến nghị cho những nghiên cứu trong tương lai. Một trong những khó khăn khi thực hiện tổng quan về chủ đề này là việc khó tiếp cận nguồn tài liệu tiếng Việt được công bố trên các tạp chí khoa học trong nước vì chưa có CSDL tập trung cho loại công bố này. Vì vậy, việc tra cứu tài liệu đã được thực hiện với hai CSDL trong nước gồm NASATI và tài liệu nội sinh của Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh. Việc mở rộng tra cứu tài liệu tiếng Việt tại các CSDL trong nước có thể giúp tiếp cận được nhiều kết quả nghiên cứu hơn.

## LỜI CẢM ƠN

Nghiên cứu được tài trợ bởi Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh (ĐHQG-HCM) trong khuôn khổ Đề tài mã số C2023-18b-03.

## DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

CSDL: Cơ sở dữ liệu

NLTTSK: Năng lực thông tin sức khỏe

SV: Sinh viên

## XUNG ĐỘT LỢI ÍCH

Bài viết này không có xung đột lợi ích.

## ĐÓNG GÓP CỦA TÁC GIẢ

Tác giả Ngô Thị Huyền tìm kiếm tài liệu, phân tích tài liệu, viết bản thảo.

Tác giả Ninh Thị Kim Thoa phân tích tài liệu, viết bản thảo.

Tác giả Nguyễn Hồng Sinh, Đoàn Thị Thu viết bản thảo.

Tác giả Dương Thị Phương Chi tìm kiếm tài liệu, viết bản thảo.

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Thủ tướng Chính phủ. Quyết định số 1092/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ: Phê duyệt Chương trình Sức khỏe Việt Nam [Internet]. 2018 [cited 2024 Feb 18]; Available from: <https://vanban.chinhphu.vn/default.aspx?pageid=27160&docid=194685>.
- WHO. Global strategy on digital health 2020-2025 [Internet]. Geneva: World Health Organization; 2021 [cited 2024 Jan 28]; Available from: <https://iris.who.int/bitstream/handle/10665/344249/9789240020924-eng.pdf?sequence=1&isAllowed=y>.
- Kickbusch I, Piselli D, Agrawal A, Balicer R, Banner O, Adelhardt M, et al. The Lancet and Financial Times Commission on governing health futures 2030: growing up in a digital world. The Lancet Commissions [Internet]. 2021 [cited 2024 Jan 28]; (398):1727-76; Available from: <https://www.thelancet.com/action/showPdf?pii=S0140-6736%2821%2901824-9>.
- Shipman JP, Kurtz-Rossi S, Funk CJ. The health information literacy research project. Journal of the Medical Library Association [Internet]. 2009;97(4):293-301; PMID: 19851494. Available from: <https://doi.org/10.3163/1536-5050.97.4.014>.
- Htay MNN, Parial LL, Tolabing MaC, Dadaczynski K, Okan O, Leung AYM, et al. Digital health literacy, online information seeking behaviour, and satisfaction of Covid-19 information

among the university students of East and South-East Asia. PLoS One. 2022;17(4):1-17; PMID: 35417478. Available from: <https://doi.org/10.1371/journal.pone.0266276>.

- European Commission. European citizens' digital health literacy [Internet]. 2014 [cited 2024 Jan 28]; Available from: <https://op.europa.eu/en/publication-detail/-/publication/fd42f9e7-937c-41f3-bf03-4221b2db712b/language-en>.
- Arksey H, O'Malley L. Scoping studies: towards a methodological framework. Int J Soc Res Methodol. 2005;8(1):19-32; Available from: <https://doi.org/10.1080/1364557032000119616>.
- Levac D, Colquhoun H, O'Brien KK. Scoping studies: advancing the methodology. Implementation Science [Internet]. 2010;5:69; PMID: 20854677. Available from: <https://doi.org/10.1186/1748-5908-5-69>.
- Peters MD, Godfrey C, McInerney P, Munn Z, Tricco AC, Khalil H. Chapter 11: Scoping reviews. In: Aromataris E, Munn Z, editors. JBI manual for evidence synthesis [Internet]. JBI; 2020 [cited 2024 Feb 18];.
- Hoang TN Sen, Le TTT, Vo TNH. Digital health literacy among healthcare students in Da Nang, Vietnam: a cross-sectional survey. Journal of Health Literacy. 2023;8(2):12-24;.
- Nguyen TPT, Do AL, Do HN, Vu TMT, van Kessel R, Wong BLH, et al. Evidence of internal structure of the transactional eHealth literacy among Vietnamese youth: an instrument validation study. Front Public Health. 2023;11:1036877; Available from: <https://doi.org/10.3389/fpubh.2023.1036877>.
- Le LTT, Tran LT, Dang CS, Nguyen PD, Tran NA, Pham TH, et al. Testing reliability and validity of the Vietnamese version of the eHealth literacy scale (eHEALS) among medical students in Vietnam. Int J Med Inform. 2023;170:104962; Available from: <https://doi.org/10.1016/j.ijmedinf.2022.104962>.
- Nguyen LH, Nguyen LTK, Nguyen TT, Trong Dam VA, Vu TMT, Nguyen HAS, et al. Practices, perceived benefits, and barriers among medical students and health care professionals regarding the adoption of eHealth in clinical settings: cross-sectional survey study. JMIR Med Educ. 2022;8(3):e34905; PMID: 36098992. Available from: <https://doi.org/10.2196/34905>.
- Tran HTT, Nguyen MH, Pham TTM, Kim GB, Nguyen HT, Nguyen NM, et al. Predictors of eHealth literacy and its associations with preventive behaviors, fear of Covid-19, anxiety, and depression among undergraduate nursing students: a cross-sectional survey. Int J Environ Res Public Health. 2022;19(7):3766; PMID: 35409448. Available from: <https://doi.org/10.3390/ijerph19073766>.
- Nguyen HTL, Vo THM, Tran TML, Dadaczynski K, Okan O, Murray L, et al. Digital health literacy about Covid-19 as a factor mediating the association between the importance of online information search and subjective well-being among university students in Vietnam. Front Digit Health. 2021;3:1-10; PMID: 34713205. Available from: <https://doi.org/10.3389/fgth.2021.739476>.
- Đào Văn Phương, Phạm Thị Diệu Linh, Trần Linh Thảo, Nguyễn Duy Phước, Đặng Công Sơn, Đặng Thu Trang, et al. Thói quen tìm kiếm thông tin Covid-19 qua internet của sinh viên năm thứ nhất Trường Đại học Y Hà Nội. Tạp chí Nghiên cứu y học. 2021;145(9):260-8; Available from: <https://doi.org/10.52852/tcnyh.v145i9.361>.
- Nguyen HT, Do BN, Pham KM, Kim GB, Dam HTB, Nguyen TT, et al. Fear of Covid-19 scale-associations of its scores with health literacy and health-related behaviors among medical students. Int J Environ Res Public Health. 2020;17(11):1-14; Available from: <https://doi.org/10.3390/ijerph17114164>.
- Nguyễn Thị Thảo, Dương Trung Đức, Dương Thị Trang, An Hoàng Ngân, Đinh Thái Sơn, Lưu Ngọc Minh, et al. Kiểm định thang đo năng lực sức khỏe về sơ cứu ban đầu trong du lịch ba lô năm 2019. Tạp chí Nghiên cứu y học. 2020;126(2):123-8;.
- Ngô Thị Thu Hiền, Trương Quốc Anh. Năng lực sức khỏe của sinh viên năm thứ ba, trường Đại học Thăng Long, năm

2017. Tạp chí Y học dự phòng [Internet]. 2019;29(1):126-34;Available from: <http://www.tapchihocduphong.vn/tap-chi-y-hoc-du-phong/2019/01/nang-luc-suc-khoe-cua-sinh-vien-nam-thu-ba-truong-dai-hoc-thang-long-nam-2017-o81E207D1.html>.
20. Norman CD, Skinner HA. eHealth literacy: essential skills for consumer health in a networked world. *Journal of Medical Internet Research* [Internet]. 2006 [cited 2024 Jan 28];8(2):e9;Available from: <https://www.jmir.org/2006/2/e9/>.
21. Paige SR, Stellefson M, Krieger JL, Anderson-Lewis C, Cheong JW, Stopka C. Proposing a transactional model of eHealth literacy: concept analysis. *J Med Internet Res*. 2018 Oct 1;20(10):e10175;Available from: <https://doi.org/10.2196/10175>.

# A scoping review of research on the digital health information literacy of Vietnamese students

Ngo Thi Huyen\*, Ninh Thi Kim Thoa, Nguyen Hong Sinh, Doan Thi Thu, Duong Thi Phuong Chi

## ABSTRACT

In the context of rising interest in health care practices and the strong digital transformation in the medical industry, the digital health information literacy has attracted researchers' great attention. As a part of the research project on the digital health information literacy among Vietnamese students, this article presents the outcomes of a scoping review that examined the studies pertaining to the project's topic. The main purpose of this review was to analyze the research objectives, methods, and key findings of the previous studies, in order to pinpoint the existing research gap on this subject. The examination utilized reliable international and national databases, with a specific emphasis on scholarly articles published between 2013 and 2023. The general findings suggest that when it comes to exploring the digital health information literacy of Vietnamese students, quantitative research methods are the most commonly used. The primary focuses of this research involve evaluating the digital health information literacy, identifying the factors that impact this literacy, exploring individuals' awareness of it, investigating the link between the digital health information literacy and health practice, and testing the digital health literacy measures. The findings of the review offer insight into the existing research on the digital health information literacy among Vietnamese students, laying the groundwork for potential recommendations in future studies.

**Key words:** scoping review, digital health literacy, digital health information literacy, students, Vietnam

---

University of Social Sciences and Humanities, VNUHCM, Vietnam

## Correspondence

**Ngo Thi Huyen**, University of Social Sciences and Humanities, VNUHCM, Vietnam

Email: ngohuyen@hcmussh.edu.vn

## History

- Received: 19-2-2024
- Revised: 10-7-2024
- Accepted: 19-9-2024
- Published Online: 30-9-2024

DOI :<https://doi.org/10.32508/stdjssh.v8i3.990>



## Copyright

© VNUHCM Press. This is an open-access article distributed under the terms of the Creative Commons Attribution 4.0 International license.



**Cite this article :** Huyen N T, Thoa N T K, Sinh N H, Thu D T, Chi D T P. **A scoping review of research on the digital health information literacy of Vietnamese students.** *Sci. Tech. Dev. J. - Soc. Sci. Hum.* 2024, 8(3):2610-2620.